

NÓI VỀ MIỀN NAM: NHẬN XÉT VỀ CA DAO HẬU GIANG

Sơn Nam

Trong số những Ca dao xuất xứ từ miền Hậu Giang, có lẽ loại “sám vãn” là xưa nhất. Không đi sâu vào nội dung, chúng ta chỉ ghi nhận vài điểm: Vãn là bài thơ, vãn vãn. Sách xưa nêu rõ thí dụ: Nhị độ Mai, Vãn (Les pruniers refleuris, poeme tonkinois). Bản in địa phận Sài Gòn 1894, hoặc hựu việt, Vãn viết trong tuồng hát bội. Vì lối phát âm không rõ rệt của người miền Nam nên Vãn bị lầm là Giảng và Sám Giảng nghĩa là một bản bản vãn truyền tiên đoán thiên cơ, giảng giải đạo lý.

Vài đoạn thơ gọn gàng dưới đây đủ chứng tỏ mức điển đạt của vài tu sĩ hồi đầu thế kỷ thứ XX:

Hai Vĩ phân nói thiệt thà:

“Kính kệ áo dà, để lại chốn đây
E khi đi có gặp Tây,
Nó coi thấy đặng, sắp bây không còn”.
Tính thôi đã một buổi tròn,
Xuống thuyền ra biển, hời còn canh hai!

(Vãn núi Tà Lơn của ông Cử Đa)

Hư nên các việc tổ bày
Tôi không có ép có nài chi ai.
Thương thay ông lão Bán Khoai.
Lên non xuống núi hôm mai dạy đời.
Thân sao nay đổi mai dời.
Xóm kia làng nọ, khổ thay thân già!
Nam mô đức Phật Di Đà
Khiến người trở lại thảo gia của người .
Bạc bầy đâu sánh vàng mười.
Hiền lương đâu xứng với người hung hăng.

(Vãn ông Sư Vãi Bán Khoai)

Nhưng vì các loại thơ truyền khẩu kể trên vì quá mang nặng tâm lý địa phương nên thiếu tánh chất phổ biến. Vùng Hà Tiên, Châu Đốc vốn là một biên trấn với nền kinh tế nông nghiệp tự túc. Từ xưa, kiều bào Việt Nam đã khai thác tận vùng biên giới Kampot, núi Tà Lơn (chaine de l'Eléphant). Lúc ban sơ, Mạc Cửu đến miền duyên hải vịnh Xiêm La với hoài bão bài Mãn phục Minh.

Năm 1878, sử chép việc Hà Hỉ Văn thuộc Thiên Địa Hội đem đoàn Tàu Ô đến qui phục chúa Nguyễn Ánh ở đảo Cổ Cốt. Trong thời kỳ Pháp thuộc, nhiều đạo sĩ Việt Nam cố gắng biến chuyển khẩu hiệu “bài Mãn phục Minh” trở thành lý luận chống thực dân Pháp. Họ phát triển và áp dụng các quan điểm về phong thủy vào vùng Thất Sơn, Cửu Long, dùng những danh từ: Hồn Chúa, Minh Chúa v.v. . .

* * *

Bên cạnh những ẩn sĩ, còn nhiều khách tục, những kiều bào tha phương cầu thực. Vào khoảng 1916, họ nhấn vọng về cố quốc:

Tà Lơn xứ rày con tạm ở
Nghệp lượi chài nhiều tháng nấu nươong
Gởi thơ cho cha mẹ tỏ tường.
Cùng huynh đệ cho hân ý
Kể từ con đăng trình vạn lý
Đến bây giờ có bảy tháng dư
Nghênh mình nằm nhớ tới mẫu từ
Ngồi chờ dậy ruột tằm quặn thắt...
Vận bất tề nay trẻ nổi trôi
Thời bất đạt nên con xa xứ
Con cũng biết mười ơn vẹn giữ
Dạ lâm bên ba thảo ghi lòng
Câu tam niên nhủ bộ bất vong
Nghĩa thập ngoại lòng con lo trả
Khó vì nổi anh thì một ngã
Cực lòng thay em ở một nơi
Bảy ngày Xuân con chịu tả tơi
Ba bữa Tết khoanh tay ngồi ngó...
Việc ở ăn nhiều nổi đắng cay
Vái Trời phật xin về quê cũ
Xứ hiểm địa, chim kêu vượn hú
Để ngấm sâu nhiều nỗi đa đoan
Ngó dưới sông: cá mập lội dư ngàn...
Nay con tới nơi nguồn cao nước đục
Loại thú cầm nhiều thứ chĩnh ghê!
Giống chẳng tinh lai vãng dựa bên hè
Con gấu ngựa tới lui gần xó vách...
Bầy chồn cáo đua nhau lúc ngúc
Lũ heo rừng chạy giỡn bát loạn thiên...
. . . Trên chót vót, nai đi nổi gót
đôi vượn bạch nựng con thành thót
Cặp dã nhơn kêu tiếng rảnh rang
Ngó sau lưng: con kỳ lân mặt tợ như vàng
Nhìn trước mặt: ông voi đen huyền tợ thố.
Hương đông Bắc, con công kêu tổ hộ.
Cỏi Tây Nam, gà rừng gáy ó o...

Còn nhiều câu khác vừa tả chân vừa hài hước; đọc bài văn Tà Lơn, hẳn thân nhân của thi sĩ vô danh nọ cũng mỉm cười, được an ủi phần nào. Ác thú ở Ta Lơn tuy nhiều thứ những thi sĩ vẫn sống nhăn như người đi du ngoạn ở Thảo Cầm viên, ngày xuân.

* * *

Ngoài miền đồi núi An Giang, ở Hậu Giang còn một miền địa lý thứ nhì ăn suốt bờ biển Kiên Giang, phần lớn Ba Xuyên và toàn tỉnh An Xuyên. Nơi đây, đất quá thấp vì mới bồi, các rạch nhỏ bắt nguồn từ biển để theo thủy triều đổ vào đồng sinh lầy. Dưới sự

đốc suất của Thoại Ngọc Hầu, kinh Vĩnh Tế và kinh Núi Sập (Thoại Hà) đã hoàn thành từ đầu thế kỷ XIX, dẫn nước ngọt từ Hậu Giang đem tưới các ruộng vườn xa lánh, vừa rửa cho đất sạch phèn, vừa giúp việc lưu thông vận tải. Bài về kinh Vĩnh Tế nói lên công trình khó nhọc của tiền nhân đã phục dịch giữa nơi khí hậu bất lợi. từ làng quê đến chỗ đào kinh, họ phải qua nhiều vùng nguy hiểm để làm mồi cho sấu cạp. Rất tiếc là bài về ấy mới sáng tác lúc sau nên giá trị về sử liệu còn quá kém cỏi. Đáng chú ý hơn hết là việc đào kinh bằng phương tiện cơ giới: phối hợp kỹ thuật cơ giới Tây Phương và đức kiên nhẫn, siêng năng của người Việt” hồi đầu thế kỷ thứ XX Kinh Xà No (Phong Dinh) khởi công đào năm 1901, hoàn tất năm 1903.

Hệ thống kinh Xáng Ngã Năm, Ngã Bảy (Phong Dinh) thành hình từ 1906-1908. Nhờ vậy tỉnh Cần Thơ (Phong Dinh) đứng hạng nhất ở toàn Nam Kỳ về sản xuất lúa gạo. Lúa gạo bán tăng giá. Mức sống của mọi tầng lớp lên cao. Những người dân hai Huyện (traí Nhơn Ái, gái Long Xuyên) bấy lâu nổi tiếng là người dinh (dân sang trọng, chánh gốc, ở vùng dinh quan chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh) gặp cơ hội thuận lợi để di cư khắp vùng mới đào kinh Xáng để làm thầy dạy hò hát.

- Đòi phải đòi thanh trị
Cuộc phải cuộc văn minh
Kìa là gió mát trăng thanh
Này bờ em ơi!
Biết đâu nhân đạo bày tình cho vui...

- Nước bích non xanh
Người bạn lành khó kiếm
Đây em cũng có hiem, chẳng lựa đặng chỗ nào
Mãn lo mua bán ra vào Cần thơ...

Đa số các thầy vốn là đào kép hát bội, giải nghệ - được học trò rước đem về nhà để dạy hò – dạy ăn tiền.

Trong ngôn ngữ bình dân, không nghe nói đến danh từ ca dao. Căn cứ vào nhạc điệu, trường hợp xử dụng, họ gọi đó là hát đưa em, hát huê tình, hát đối, hò chèo ghe, hò xay lúa, hò cấy. Câu hát đưa em:

- Chờ em cho mãn kiếp chờ
Chờ cho rau muống vượt lên bờ trở bông.

Có thể đưa ra đồng lúa, trên sông rạch để trở thành câu đối hát. Và khi gặp người đáp lại khéo léo:

- Rau muống trở bông lên bờ nó trở
Ai biểu anh chờ mà anh kể công ơn.

Thì cả hai vế được gìn giữ đem về nhà trở thành câu hát đưa em. Xu hướng “kéo dài, bổ túc các câu sẵn có” đã tạo thêm được nhiều câu hát đưa em đáng lưu ý:

- Bờ chiếc ghe sau, chèo mau anh đợi
Kéo giông khói đèn bờ bụi tối tăm

- Bờ bụi tối tăm, anh quơ nhằm cái tộ bể
Cưới vợ có chữ về thối lửa queo râu.

Hoặc:

Khế với chanh một lòng chua xót
Mật với gừng một ngọt một cay

- Ra về bỏ áo lại đây
Để khuya em đắp gió tây lạnh lùng

- Có lạnh lùng lấy mừng mà đắp
Trả áo cho anh về đi học kéo trưa.

Người thợ giáo không cần học vỡ lòng về luật bằng trắc, yêu vận, cước vận vì ai nấy đã từng thử không khí lục bát và các biến thể của loại thơ ấy từ khi nằm trên võng.

Theo quan niệm các thầy thì câu hát đối đối chia ra ba loại, từ sở trường, sở đoản từng người mà áp dụng.

1. HÒ VĂN dùng cách ngôn Khổng Mạnh (trích trong Minh Tâm Bửu giám, để gợi hứng, gieo vần:

Vật bạc tình bất thủ
Nhơn phi nghĩa bất giao
Anh nguyên thưởng bậu một dao
Răn phùng lòng dạ mặn đào lổ lảng . .

Hoặc:

Tay cầm quyển sách
Minh Tâm anh đọc:
Thiện ác đáo đầu chung hữu báo.
Cao phi viễn tẩu khả nan tàng
Từ khi anh xa cách con bạn vàng
Cơm ăn chẳng được như con chim phụng hoàng bị tên.

2. HÒ TRUYỆN dùng điển tích trong truyện Tàu để gợi hứng gieo vần hoặc nêu câu hỏi:

Văng vẳng bên tai
Tiếng ai như tiếng con Điêu Thuyền?
Anh đây Lữ Bố kết nguyên thủa xưa

- Từ trên trời xuống mặt nước mấy trăm ngàn thước
Từ mặt nước xuống âm phủ đi mấy ngày đường?
Một bộ Tây Du mấy cuốn?
Một cuốn mấy trang
Một trang mấy hàng chữ?
Nói cho có ngăn có ngữ, gái má đào mới chịu thua!

- Đó ở dưới thuyền buôn,
Thả luông tuồng theo nhịp?
Có phải là: Ngũ Hồ ký tính
Đào Công vi nghiệp
Tứ hải ngoa du
Yến Tử phòng Linh đình nay lớn mai rông

Vậy đã có chốn loan phòng hay chưa?

3. HỒ MÉP: dùng lời lẽ nôm na, không điển tích, không cách ngôn:

Đền tọa đặng để tước bàn thờ
Vận lên nó tỏ, vận xuống nó lờ
Xuống sông hỏi cá, lên bờ hỏi chim
Trách ai làm cho thế nọ xa tiềm
Em xa người nghĩa mà nằm điềm chiêm bao.

Lúc đầu, loại hò vắn và hò truyện được ưa chuộng. Truyện Tây Du, Phong Thần, Tiên Đùng, Hậu Tống, sách Minh Tâm Bửu Giám lần lần xây dựng cho mọi người một vốn liếng về cổ học, nhân bản của Á Đông. Việc phổ biến ấy ngày càng thêm sâu rộng nhờ mức sống của nông dân và tiểu thương lên cao, nhờ phương tiện chữ quốc ngữ. Bắt đầu ấn hành từ đầu thế kỷ XX tại Sài Gòn; các bản dịch ấy phải đợi non 30 năm sau mới thắm vào giới trung lưu và bình dân ở thôn quê Hậu Giang – như thể kẻ cũng nhanh chóng.

3/2007 - Nguồn: vantuyen.net